

**TÀI LIỆU THIẾT KẾ**

Quy tắc trình bày bản vẽ chế tạo bánh răng trụ của bộ truyền Novikov có hai đường ăn khớp

TCVN  
2219 — 77

Правила выполнения рабочих чертежей цилиндрических зубчатых колес передач новикова с двумя линиями зацепления

Rules of making working drawing of cylindrical gears of Novikov transmissions with two engagement lines.

Có hiệu lực từ 1-7-1979

1. Tiêu chuẩn này quy định quy tắc trình bày bản vẽ chế tạo phần tử ăn khớp của bánh răng trụ bằng kim loại có gia công cơ trong bộ truyền Novikov có hai đường ăn khớp.

2. Bản vẽ chế tạo bánh răng trụ phải được trình bày phù hợp với yêu cầu của những tiêu chuẩn tài liệu thiết kế và của tiêu chuẩn này.

3. Trên hình biểu diễn bánh răng trụ cần chỉ dẫn :

a) Đường kính vòng đỉnh De, và nếu thấy cần thiết ghi thêm trị số độ đảo hướng tâm của vòng đỉnh ;

b) Chiều dày của vành răng b, và khi cần thiết, ghi thêm trị số độ đảo của mặt mút chuẩn ;

c) Kích thước cạnh vát đầu răng và bán kính góc lượn giữa mặt cạnh và mặt đỉnh răng.

Chú thích. Kích thước cạnh vát hoặc bán kính góc lượn có thể ghi vào phần yêu cầu kỹ thuật.

d) Độ nhẵn mặt cạnh, mặt đỉnh và mặt đáy của răng ;

Chú thích. Độ nhẵn mặt đáy răng quy định cho phần bề mặt chuyển tiếp của răng.

e) Đối với bánh răng chữ V, là những chi tiết không đối xứng thì vị trí các nhánh của răng chữ V được thể hiện bằng ba đường liền mảnh với độ nghiêng tương ứng, trên hình biểu diễn thu nhỏ (hình vẽ).

4. Ở góc phải phía trên của bản vẽ bánh răng lập một bảng các thông số. Kích thước của bảng cũng như kích thước xác định vị trí của bảng trên hình vẽ được quy định trên bản vẽ minh họa của tiêu chuẩn này.

5. Bảng thông số của vành răng gồm ba phần được giới hạn với nhau bằng đường đậm liền:

Phần trên — số liệu cơ bản để chế tạo;

Phần giữa — số liệu để kiểm tra;

Phần dưới — số liệu để tham khảo.

6. Phần trên của bảng thông số gồm:

a) Môđun pháp  $m_n$  — kèm theo số hiệu tiêu chuẩn tương ứng;

b) Số răng  $Z$ ;

c) Góc nghiêng của răng trên hình trụ chia  $\beta$ ;

d) Hướng răng — « Phải » hoặc « Trái ».

Đối với bánh răng có răng chữ  $V$  thì ghi « Răng chữ  $V$  ».

d) Profil góc — kèm theo số hiệu tiêu chuẩn tương ứng.

7. Trong phần giữa của bảng ghi số liệu kiểm tra theo các mức chính xác.

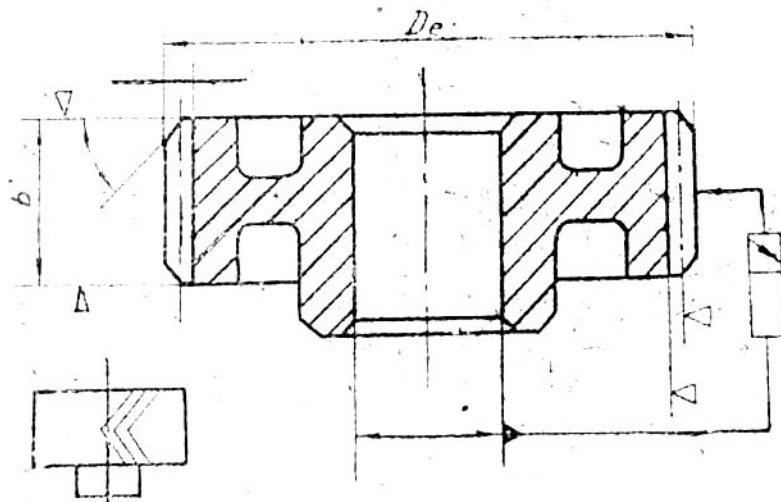
**Chú thích.** Khi không có các số liệu về điều kiện sản xuất và kiểm tra, cho phép không ghi những số liệu kiểm tra vào phần giữa của bảng. Trong trường hợp này, trên bản vẽ chế tạo bánh răng, trong phần yêu cầu kỹ thuật cho phép người sản xuất chọn bộ thông số kiểm tra hiện hành tại xí nghiệp.

8. Phần dưới của bảng thông số gồm:

a) Khoảng cách trục và sai lệch giới hạn;

b) Ký hiệu bản vẽ của bánh răng đối tiếp;

c) Các số liệu tham khảo khác, khi cần thiết.



Hình 8

20			
7 min	Môđun pháp	$m_n$	
	Số răng	$Z$	
	Góc nghiêng của răng	$\beta$	
	Hướng răng		
	Prôfin góc	-	
	Số liệu kiểm tra		
	Số liệu tham khảo		
	10	35	
	95		